

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07 /2020/DS-ST

Ngày 12 / 03 /2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông Trần Văn Xuyên
- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Quang Liêu, ông Nguyễn Mạnh Dũng
- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Thế vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:** bà Mai Thị Thanh Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong các ngày 11 và 12 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2019/TLST – DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 05 /2020 /QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên Đơn:** ông Lý Đ S , Sinh năm 1963. (Có mặt)
Địa chỉ : Thôn 1, xã Đ 10, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước .
- **Bị đơn:** anh Hoàng M h Ch, Sinh năm 1982 . (Vắng mặt)
chị Nguyễn T H ; Sinh năm 1985. (Vắng mặt)
Địa chỉ : thôn 1, xã Đ 10, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

- Vào ngày 27/12/2015 âm lịch tôi có cho ông Hoàng M h Ch và vợ và Nguyễn T H vay số tiền 48.000.000đ, ngày trả cuối tháng 5/2016 (âm lịch) tức là ngày 04/7/2016 dương lịch nhưng đến nay chưa trả, số tiền 48.000.000đ trong đó tiền gốc 4.000.000đ và tiền lãi 8.000.000đ, ghi tổng 48.000.000đ.
- 29/12/2015 âm lịch (không có ngày 30/12/2015 âm lịch như trong giấy nhận nợ đã ghi) (tức ngày 7/2/2016 dương lịch) ông Hoàng M h Ch vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 1 tháng, nhưng đến nay vẫn chưa trả.

- 23/3/2016 âm lịch (tức ngày 29/4/2016 dương lịch) ông Hoàng M h Ch vay số tiền 15.000.000đ, thời hạn vay 1 tháng, nhưng đến nay cũng chưa trả.

Nay ông Lý Đ S khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hoàng M h Ch bà Nguyễn T H phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay 83.000.000đ và tiền lãi đến khi xét xử, Cụ thể 48.000.000đ x 1,2%/1 tháng kể từ ngày 30/05/2016 âm lịch đến nay 20.000.000đ x 1,2%/1 tháng kể từ ngày 30/05/2015 âm lịch đến nay 15.000.000đ x 1,2%/1 tháng kể từ ngày 23/03/2015 âm lịch đến nay
Tạm tính cả gốc và lãi tổng cộng 124.400.000đ.

- **Bị đơn** anh Hoàng M h Ch trình bày : Vào ngày 27/12/2015 (âm lịch) vợ chồng có vay số tiền 48.000.000đ là đúng, trong đó tiền gốc 40.000.000đ và tiền lãi 8.000.000đ, ghi tổng 48.000.000đ, tôi đồng ý vợ chồng cùng trả.

Ngoài ra vào ngày 30/12/2015 âm lịch một mình tôi vay số tiền 20.000.000đ, ngày 23/3/2016 một mình tôi vay số tiền 15.000.000đ, tổng 35.000.000đ, đây là tôi vay cá nhân tiêu sài riêng không liên quan gì đến gia đình, không liên quan gì đến vợ tôi, mình tôi vay thì mình tôi trả nợ, tôi đồng ý trả nhưng xin trả dần.

- **Bị đơn** chị Nguyễn T H Trình bày : Khoản vay nợ chung của vợ chồng thì vợ chồng trả, còn khoản nợ riêng của anh Châu thì anh Châu tự trả, khoản tiền lãi yêu cầu Tòa án xem xét lại vì mức lãi cao 4%/ 1 tháng của số tiền vay 40.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 48.000.000đ.

Xét thấy số tiền 48.000.000đ trong đó tiền gốc 40.000.000đ, tiền lãi 8.000.000đ, mức lãi suất 4%/ 1 tháng, thời hạn vay 5 tháng và ghi tổng 48.000.000đ, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận là đúng.

Như vậy số tiền gốc 40.000.000đ cần buộc bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn.

Về khoản tiền vay 20.000.000đ và khoản tiền vay 15.000.000đ anh Châu thừa nhận là đúng, anh Châu và chị Huế không thừa nhận nợ chung, đây là nợ riêng của anh Châu, anh Châu vay để giải quyết việc riêng của cá nhân, không phải việc chung của gia đình, ông Sán thừa nhận khi vay chỉ mình anh Châu vay khoản tiền này. Như vậy đây là khoản tiền vay riêng của anh Châu. Cần buộc anh Châu trả cho ông Sán.

Về lãi suất, bị đơn đồng ý trả lãi xuất nhưng yêu cầu xem xét lại mức lãi.

Số tiền 40.000.000đ, khi cho vay mức lãi suất 4%/ 1 tháng, thời hạn vay 5 tháng, tiền lãi 8.000.000đ, như vậy mức lãi suất trong hạn mà các bên thỏa thuận cao hơn quy định pháp luật, do vậy cần áp dụng mức tối đa mà pháp luật cho phép là 20%/1 năm, tức 1,66%/ 1 tháng .

$40.000.000đ \times 1,66\%/1 \text{ tháng} \times 5 \text{ tháng} = 3.320.000đ.$

Lãi quá hạn kể từ ngày 05/7/2016 của số tiền 40.000.000đ cho đến nay 12/3/2020 mức lãi 0,83%/1 tháng.

$40.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 45 \text{ tháng} 7 \text{ ngày} = 15.017.466đ.$

Đối với tiền lãi của số tiền 20.000.000đ, kể từ ngày 7/2/2016 cho đến nay 12/3/2020.

Do có tranh chấp lãi suất, không rõ mức lãi suất nên áp dụng mức lãi suất 0,83%/1 tháng:
 $20.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 48 \text{ tháng} 5 \text{ ngày} = 7.995.666đ.$

Đối với tiền lãi của số tiền 15.000.000đ, kể từ ngày 29/4/2016 cho đến nay 12/3/2020.

Do có tranh chấp lãi suất và không rõ mức lãi suất nên áp dụng mức lãi suất 0,83%/1 tháng:

$15.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 46 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 5.776.800đ.$

Tổng tiền gốc $40.000.000đ + 20.000.000đ + 15.000.000đ = 75.000.000đ$

Tiền lãi $15.017.466đ + 7.995.666đ + 5.776.800đ = 28.789.932đ.$

Tổng cộng cả gốc và lãi là $75.000.000đ + 28.789.932đ = 103.789.932đ.$

4/ Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận một phần nên bị đơn anh Châu và chị Huế phải liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là .

$40.000.000đ + 15.017.466đ = 55.017.466đ \times 5\% = 2.750.873đ.$

Anh Châu phải nộp tiền án phí của số tiền

$20.000.000đ + 15.000.000đ + 5.776.800đ + 7.995.666đ = 48.772.466đ \times 5\% = 2.438.623đ$

Nguyên đơn phải nộp tiền tạm ứng án phí không được Tòa án chấp nhận

$124.000.000đ - 103.789.932đ = 20.210.068đ \times 5\% = 1.010.503đ$, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà nguyên đơn đã nộp là 3.110.000đ, số tiền còn lại 2.099.494đ hoàn trả lại cho nguyên đơn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Hoàng M h Ch và chị Nguyễn T H phải liên đới trả cho ông Lý Đ S tổng số tiền 55.017.466đ.

Buộc bị đơn anh Hoàng M h Ch trả cho ông Lý Đ S tổng số tiền 48.772.466đ

2/ Về án phí: Buộc bị đơn anh Hoàng M h Ch và chị Nguyễn T H phải liên đới nộp tiền án phí là 2.750.873đ.

Buộc bị đơn anh Hoàng M h Ch phải nộp tiền án phí là 2.438.623đ.

Buộc nguyên đơn ông Lý Đ S phải nộp tiền án phí là 1.010.503đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà nguyên đơn đã nộp là 3.110.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009781 ngày 04/11/2019, số tiền còn lại 2.099.494đ Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lý Đức Sán.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BD;
- CCTHA huyện BD;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

